

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/HC-ST

Ngày: 28/4/2022

V/v Khiếu kiện quyết định
hành chính trong quản lý Nhà
nước về đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Khánh

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Đinh Công Khanh
2/ Ông Nguyễn Thanh Nhật

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Cao Thái Thành – Thư ký Tòa án tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25/4 và 28/4/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thụ lý số 71/2021/TLST-HC ngày 05/4/2021 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý Nhà nước về đất đai” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2021/QĐXXST-HC ngày 23/12/2021, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông N, sinh năm 1943; Địa chỉ: Ấp 1, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông H, sinh năm 1978; Địa chỉ: Ấp 1, xã L, huyện C, tỉnh Long An. (Theo văn bản ủy quyền ngày 28/12/2020)

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông T – Phó Chủ tịch UBND huyện C, tỉnh Long An. (Theo văn bản ủy quyền số 85/UBND-NC ngày 11/01/2022)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông N – Trưởng Phòng Tài nguyên và môi trường huyện C. (Theo văn bản cử người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp số 2055/UBND-NC ngày 07/5/2021)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Công ty TNHH H; Địa chỉ: Ấp 1, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà B, sinh năm: 1991 bà N, sinh năm: 1985; Cùng địa chỉ: Đường Đ, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo văn bản ủy quyền ngày 06/01/2022)

2/ Bà T, sinh năm: 1936; Địa chỉ: Ấp 2/5, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

(Ông H, ông T, bà N, bà B có mặt; Ông T có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt; bà T đã được tổng đạt hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Người khởi kiện- ông N do ông H đại diện theo ủy quyền trình bày:**

Ông N là người quản lý và sử dụng thửa 96, tờ bản đồ số 06 tọa lạc ấp 1, xã L, huyện C, tỉnh Long An. Ủy ban nhân dân (UBND) huyện C đã ban hành các quyết định 7759/QĐ-UBND ngày 13/11/2018 về việc thu hồi đất và ban hành Quyết định số 11740/QĐ-UBND ngày 21/11/2018 về bồi thường giá trị quyền sử dụng đất cho ông N. Tuy nhiên, khi ông N liên hệ nhận tiền bồi thường ông N mới biết UBND huyện C đã ban hành quyết định thu hồi và bồi thường bổ sung cho bà T đối với thửa 96.

Do đó, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định số 98/QĐ-UBND ngày 09/01/2020 và Quyết định số 5147/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND huyện C.

*** Tại văn bản số 406/UBND-NC ngày 27/01/2022 và văn bản bổ sung ngày 27/4/2022, người bị kiện - UBND huyện C trình bày:**

Ngày 06/9/2004, ông N được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền đất gồm các thửa 98, 151, 665, 897, cùng tờ bản đồ số 6, tọa lạc xã L, huyện C, tỉnh Long An. Ngày 28/5/2013, UBND huyện C ban hành Thông báo số 15/TB-UBND về việc thu hồi đất trên địa bàn xã L đầu tư dự án Khu dân cư tại xã L. Ngày 26/3/2014, Trung tâm phát triển quỹ đất (nay là Ban quản lý dự đầu tư xây dựng huyện) phối hợp cùng chủ đầu tư và địa phương tổ chức kê biên, kiểm đếm đất và tài sản gắn liền với đất đối với hộ ông N. Ông N xác định thửa 96, tờ bản đồ số 6, diện tích 330m² là của ông N nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2015, chủ đầu tư được thay đổi thành Công ty TNHH H tiếp tục thực hiện dự án.

Ngày 13/11/2018, UBND huyện C ban hành Quyết định số 7759/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của ông N gồm 05 thửa đất trong đó có thửa 96. Ngày 21/11/2018, UBND huyện C ban hành Quyết định số 11740/QĐ-UBND bồi thường giá trị quyền sử dụng đất, thiệt hại tài sản gắn liền với đất và các khoản hỗ trợ cho ông N.

Tuy nhiên, quá trình chi trả bồi thường thì bà T yêu cầu xem xét bồi thường thửa 96 do bà T đã được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/12/1997 đối với thửa 96, loại đất Hg/b (hoang vắng) diện tích 300m². Qua kiểm tra đối chiếu và kiểm tra thực tế tại thửa 96 (biên bản kiểm tra hiện trạng ngày 18/12/2019) đã xác định được bà T là người sử dụng và được cấp giấy hợp pháp. Hiện trạng được Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện phối hợp với UBND xã L và Công ty TNHH H kiểm tra lại vào ngày 05/6/2020

để bàn giao đất cho nhà đầu tư xác định hiện trạng là phần đất trống, một phần có trồng dừa lá. Do đó, UBND huyện C đã ban hành các Quyết định để điều chỉnh diện tích thu hồi của ông N và bà T và bồi thường cho bà T đối với thửa 96. Bà T đã nhận tiền thông qua người được ủy quyền và được chi trả xong. Ngày 10/6/2020, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện đã bàn giao mặt bằng cho nhà đầu tư xong để tiếp tục thực hiện thủ tục theo quy định.

Đối với yêu cầu của ông N đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Công ty TNHH H do bà B và bà N đại diện theo ủy quyền trình bày:**

Công ty TNHH H là chủ đầu tư đối với dự án Khu dân cư tại xã L. Trong quá trình thực hiện dự án đã chi đủ tiền cho bà T theo các quyết định thu hồi đất và bồi thường của UBND huyện C và đã chi trả xong cho bà T thông qua người đại diện theo ủy quyền của bà T. Do đó, việc ông N khởi kiện vụ án hành chính đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện người khởi kiện do ông H đại diện theo ủy quyền vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện C xác định vẫn giữ nguyên theo ý kiến tại văn bản số 406/UBND-NC ngày 27/01/2022 và văn bản bổ sung ngày 27/4/2022 của UBND huyện C. UBND huyện C đã kiểm tra, đối chiếu hồ sơ cấp đất và hiện trạng sử dụng thửa 96 mới ban hành các quyết định điều chỉnh việc thu hồi và bồi thường cho bà T là đúng quy định pháp luật.

Bà B và bà N đại diện theo ủy quyền của Công ty H vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An xác định:

Trong quá trình thụ lý, xét xử, Tòa án làm đúng thủ tục theo quy định Luật Tổ tụng hành chính. Tại phiên tòa, xác định đúng người tham gia tố tụng, quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự trong tranh tụng được đảm bảo đúng theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung vụ án, xét thấy: Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm, ông H đại diện theo ủy quyền của ông N đều xác định không tranh chấp dân sự đối với bà T mà chỉ khởi kiện yêu cầu xem xét các quyết định hành chính của UBND huyện C nên nhận thấy yêu cầu khởi kiện là không có căn cứ nhưng đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc khi xem xét các quyết định hành chính liên quan trong đó có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà T năm 1997. Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử thận trọng đánh giá chứng cứ để xem xét có cần thiết phải thu thập thêm chứng cứ hay không để ra bản án được khách quan, toàn diện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự; sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu hủy quyết định điều chỉnh quyết định thu hồi đất là quyết định hành chính về quản lý đất đai của UBND huyện C thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 4 Điều 32 Luật tổ tụng hành chính nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

[2] Về thủ tục tố tụng: Do người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện có văn bản đề nghị vắng mặt suốt quá trình tố tụng; người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan bà T được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt mà không phải vì lý do bất khả kháng, trở ngại khách quan nên Tòa án lập biên bản không tiến hành đối thoại được và xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại theo quy định tại Điều 135, Điều 157 và Điều 158 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 09/01/2020 UBND huyện C ban hành Quyết định số 98/QĐ-UBND điều chỉnh Quyết định thu hồi đất số 7741/QĐ-UBND ngày 13/11/2018 của UBND huyện C và ngày 23/9/2020 UBND huyện C ban hành Quyết định số 5147/QĐ-UBND điều chỉnh Quyết định thu hồi đất số 7759/QĐ-UBND ngày 13/11/2018 của UBND huyện C. Do ông N không đồng ý nên ngày 28/12/2020, ông N nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh Long An để khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 98/QĐ-UBND và Quyết định số 5147/QĐ-UBND của UBND huyện C là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[3] Về thẩm quyền:

Ủy ban nhân dân huyện C là cơ quan quản lý đất đai địa phương có thẩm quyền ban hành quyết định thu hồi đất nên ngày 09/01/2020 UBND huyện C ban hành Quyết định số 98/QĐ-UBND điều chỉnh Quyết định thu hồi đất số 7741/QĐ-UBND ngày 13/11/2018 của UBND huyện C và ngày 23/9/2020 UBND huyện C ban hành Quyết định số 5147/QĐ-UBND điều chỉnh Quyết định thu hồi đất số 7759/QĐ-UBND ngày 13/11/2018 của UBND huyện C là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 66 Luật đất đai.

[4] Về quyết định hành chính bị kiện, xét thấy: UBND huyện C ban hành các Quyết định thu hồi đất số 7741/QĐ-UBND ngày 13/11/2018 và Quyết định thu hồi đất số 7759/QĐ-UBND ngày 13/11/2018 đối với ông N trong đó có thửa 96 được ghi nhận là chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, sau đó UBND huyện C phát hiện thửa 96 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T nên đã kiểm tra để điều chỉnh quyết định thu hồi đất đối với ông N và ban hành Quyết định điều chỉnh diện tích thu hồi đất thửa 96 đối với bà T và ban hành quyết định điều chỉnh bồi thường cho bà T là hoàn toàn cần thiết.

[5] Ông N cho rằng việc UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận cho bà T là cấp sai đối tượng. Tuy nhiên, xét thấy ông N cũng kê khai đất và được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm nhiều thửa nhưng ông N không kê khai thửa 96, tờ bản đồ số 3. Mặt khác, thửa ông N xác định của ông N là thửa 96 loại đất thổ nhưng UBND huyện C cấp giấy và bồi thường cho bà T là thửa 96 loại đất Hg/b, phù hợp hồ sơ cấp giấy lần đầu cho bà T và phù hợp biên bản kiểm tra hiện trạng sử dụng của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện C ghi nhận hiện trạng đất trống, có 01 phần lá dừa nước. Do đó, chưa đủ căn cứ xác định thửa 96 đất thổ mà ông N xác định là thửa 96 loại Hg/b đã cấp cho bà T. UBND xã L không đo đạc cụ thể mà chỉ theo lời trình bày của ông N (căn cứ mảnh trích đo bản đồ địa chính năm 2009, phục vụ việc khiếu nại đất đai của ông N) và bà G (người giáp ranh ông N) nhưng không có mặt bà T để xác định ông N sử dụng 250m² trên tổng số 330m² đã cấp cho bà T là không có căn cứ. Bởi vì, bà G cũng chỉ trình bày trước đây có thấy ông N trồng lúa là không phù hợp hiện trạng sử dụng đất. Như vậy, từ năm 2009 thì ông N có khiếu nại đất đai nhưng không được giải quyết và ông N không tranh chấp nhưng nay lại xác định thửa 96 ông N sử dụng nhưng chưa được cấp giấy là không có căn cứ.

[6] Ngoài ra, sau khi nhận các quyết định thu hồi, bồi thường và các quyết định điều chỉnh thu hồi và bồi thường ngày 09/01/2020 UBND huyện C ban hành Quyết định số 98/QĐ-UBND điều chỉnh Quyết định thu hồi đất số 7741/QĐ-UBND ngày 13/11/2018 thì ông N chỉ yêu cầu xem xét về giá và tái định cư. Biên bản ngày 09/9/2020 có ông N tham gia và ký tên thể hiện “T.96 TBĐ 06 của bà T. Ban QLDA ĐTXD đang đề nghị điều chỉnh quyết định thu hồi đất...” nhưng ông N cũng không ý kiến gì về việc điều chỉnh thu hồi và bồi thường cho bà T mà ông N chỉ yêu cầu xem xét giá bồi thường và yêu cầu được mua 03 suất tái định cư đối với các thửa đất khác của ông N cũng bị thu hồi nhưng không có ý kiến hay tranh chấp gì thửa 96. Do đó, mặc nhiên ông N thừa nhận việc UBND huyện C ban hành quyết định thu hồi thửa 96 đối với ông N là chưa đúng đối tượng. Sau khi việc khiếu nại về giá trị quyền sử dụng đất và tái định cư không được chấp nhận ông N mới kiện cho rằng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T đối với thửa 96 là không đúng nên không thể xem xét chấp nhận.

[7] Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của ông N cũng như lời trình bày của ông H là người đại diện theo ủy quyền của ông N hoàn toàn không có căn cứ chấp nhận. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện và người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH H đề nghị bác đơn khởi kiện của ông N là có căn cứ.

[8] Vì vậy, Hội đồng xét xử cần bác yêu cầu khởi kiện của ông N do ông H đại diện theo ủy quyền về việc khởi kiện quyết định hành chính của UBND huyện C. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An trình bày tại phiên tòa về yêu cầu khởi kiện của ông N không có căn cứ là phù hợp.

Quyết định số 98/QĐ-UBND và Quyết định số 5147/QĐ-UBND của UBND huyện C ban hành là đúng quy định pháp luật.

[9] Đối với các quyết định hành chính liên quan gồm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà T, Quyết định điều chỉnh quyết định thu hồi đất và điều chỉnh bồi thường cho bà T cần được xem xét theo quy định tại Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính. Xét thấy, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L625431 do UBND huyện C cấp cho bà T ngày 20/12/1997 trên cơ sở Hội đồng xét duyệt của UBND xã L và được lập danh sách (ông N được cấp nhiều thửa nhưng không có thửa 96) có biên bản họp Hội đồng xét cấp ngày 12/11/1997, Tờ trình của UBND xã L ngày 08/12/1997, Tờ trình của Phòng Địa chính huyện C ngày 12/12/1992 và Quyết định cấp giấy cho 459 hộ dân và cá nhân (trong đó có bà T đối với thửa 96) ngày 20/12/1997 của UBND huyện C nên việc cấp giấy cho bà T là đúng trình tự và thủ tục theo quy định tại thời điểm cấp năm 1996 là Luật Đất đai năm 1993 nên việc cấp giấy được UBND huyện kiểm tra khi thu hồi, bồi thường đất là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật.

[10] Các quyết định hành chính liên quan khác gồm Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 về điều chỉnh Quyết định số 11842/QĐ-UBND ngày 21/11/2018 và Quyết định số 2692/QĐ-UBND ngày 26/5/2021, xét thấy:

Sau ban hành quyết định thu hồi đất và bồi thường cho ông N, bà T khiếu nại và cung cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì UBND huyện C phát hiện thửa 96 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T nên đã kiểm tra để điều chỉnh quyết định thu hồi đất đối với ông N và ban hành Quyết định điều chỉnh diện tích thu hồi đất thửa 96 đối với bà T và ban hành quyết định điều chỉnh bồi thường cho bà T là hoàn toàn cần thiết và việc ban hành quyết định điều chỉnh là hoàn toàn phù hợp pháp luật. Do đó, các quyết định hành chính liên quan gồm Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của UBND huyện C về điều chỉnh Quyết định số 11842/QĐ-UBND ngày 21/11/2018 và Quyết định số 2692/QĐ-UBND ngày 26/5/2021 của UBND huyện C về việc giảm tiền bồi thường cho ông N là hoàn toàn kịp thời và đúng quy định pháp luật.

[11] Về án phí: Do ông N sinh năm 1943 là người cao tuổi nên được xem xét miễn án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại Điều 18 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 30, Điều 32 và Điều 193 Luật tố tụng hành chính; Điều 166 và Điều 66 Luật Đất đai năm 2013

Áp dụng Điều 18 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông N do ông H đại diện theo ủy quyền về việc khởi kiện quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân huyện C.

Quyết định số 98/QĐ-UBND ngày 09/01/2020 của UBND huyện C về việc điều chỉnh Quyết định thu hồi đất số 7741/QĐ-UBND ngày 13/11/2018 của UBND huyện C; Quyết định số 5147/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 điều chỉnh Quyết định thu hồi đất số 7759/QĐ-UBND ngày 13/11/2018 của UBND huyện C; Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của UBND huyện C về việc điều chỉnh Quyết định số 11842/QĐ-UBND ngày 21/11/2018 của UBND huyện C và Quyết định số 2692/QĐ-UBND ngày 26/5/2021 của UBND huyện C về việc điều chỉnh Quyết định số 11740/QĐ-UBND ngày 21/11/2018 của UBND huyện C là đúng quy định pháp luật.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L625431 do UBND huyện C cấp cho bà T ngày 20/12/1997 (gồm nhiều thửa trong đó có thửa 96) là đúng quy định pháp luật.

Về án phí: Do ông N sinh năm 1943 là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án hành chính được thi hành theo các Điều 309, Điều 310 và Điều 312 Luật tổ tụng hành chính./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Khánh